Phụ lục V
Định mức kinh tế-kỹ thuật: Hỗ trợ *"Điểm bán hàng Việt cố định"*, *"Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP"*

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**154,17**	
1	*Định mức giờ công của lao động có chuyên môn*	*154,17*	
*	Trình độ đại học	154,17	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất Chương trình XTTM hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các tài liệu liên quan, trình Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum thẩm định, phê duyệt đề án	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện đề án sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Ban hành văn bản mời các đơn vị liên quan tham gia họp để lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	0,17	
-	Khảo sát, tìm kiếm địa điểm thực hiện điểm bán	80	
-	Tổ chức họp lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	6	
-	Tham mưu hợp đồng hỗ trợ	4	
-	Hướng dẫn đơn vị vận hành triển khai điểm bán	8	
-	Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện đề án	16	
-	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hỗ trợ	4	
-	Tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả	4	
2	*Định mức giờ công của lao động phổ thông*		
II	**Định mức lao động gián tiếp *(quản lý, phục vụ)***	**28**	
*	Trình độ đại học *(quản lý)*	16	
-	Thẩm định các văn bản do bộ phận chuyên môn trình; ký văn bản gửi cấp trên và các đơn vị liên quan; ký hợp đồng thực hiện đề án	4	
-	Họp lựa chọn đơn vị vận hành điểm bán	4	

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-	Chủ trì triển khai đề án	4	
-	Tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng	4	
*	Trình độ đại học *(phục vụ)*	12	
-	Phối hợp bộ phận chuyên môn tham mưu hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng	4	
-	Thực hiện thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	8	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn *(Bộ phận lao động trực tiếp)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	131,17
2	Máy tính bàn *(Kế toán)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12
3	Máy tính bàn *(Lãnh đạo)*	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	12
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	131,17
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	26,23

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		187,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1,6	0	100%
3	Mực in	Hũ		1	40	60%
4	Mực photo	Hũ		1	40	60%
5	Bút viết	Cây		3	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		3	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	50	100%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	0	100%
10	Băng keo	Cuộn		1	25	75%